

Số *191* /BVPT  
V/v mời chào giá hoá chất xét  
nghiệm cho bệnh viện Phổi tỉnh  
Lai Châu năm 2023

Lai Châu, ngày *2* tháng *8* năm 2023

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

**Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam**

Bệnh viện Phổi tỉnh Lai Châu có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm hoá chất xét nghiệm cho Bệnh viện Phổi tỉnh Lai Châu năm 2023 với nội dung cụ thể như sau:

### **I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Phổi tỉnh Lai Châu.
2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
  - Nguyễn Văn Mười: Khoa Dược – VTYT- Cận lâm sàng.
  - Địa chỉ: Phường Đông Phong – Thành Phố Lai Châu – Tỉnh Lai Châu.
  - Số điện thoại: 0986.770.790
3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Nhận trực tiếp tại địa chỉ.
  - Nguyễn Văn Mười: Khoa Dược – VTYT- Cận lâm sàng.
  - Địa chỉ: Phường Đông Phong – Thành Phố Lai Châu – Tỉnh Lai Châu.
  - Số điện thoại: 0986.770.790
4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 03 tháng 08 năm 2023 đến trước 17h ngày 14 tháng 08 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 14 tháng 08 năm 2023.

## II. Nội dung yêu cầu báo giá:

### 1. Danh mục thiết bị y tế.

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm sinh hóa mức 1 và 2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- DC-TROL mức 1 và 2 là một huyết thanh đối chứng được sử dụng để theo dõi độ chính xác và độ xác thực của các phương pháp thủ công và tự động được sử dụng trong phòng thí nghiệm hóa học lâm sàng.</li> <li>- DC-TROL mức 1 và 2 đông khô nên được bảo quản ở 2- 8°C.</li> <li>- Kiểm soát các thông số: ALT-Alanine Aminotransferase (SGPT); Albumin; Alkaline Phosphatase; Amylase; AST; Bicarbonate - Carbon Dioxide; Bilirubin – Direct; Bilirubin-Total; Calcium; Cholesterol-HDL; Cholesterol- LDL; Cholesterol-Total; Creatine Kinase; Creatinine; Glucose; <math>\gamma</math>-Glutamyltransferase; Iron; UIBC; LDH; Lipase; Magnesium; Phosphorus; Potassium; Protein- Total; Salicylate; Sodium; Triglyceride; Urea Nitrogen; Uric Acid</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul>	ml	15
2	Chất hiệu chuẩn các xét nghiệm sinh hóa đa năng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- DC-Cal là một huyết thanh đông khô được làm từ thanh phần huyết thanh người.</li> <li>- DC-Cal ổn định trong 72 giờ ở 2-8°C.</li> <li>- Hiệu chuẩn thông số: ALT-Alanine Aminotransferase (SGPT); Albumin; Alkaline Phosphatase; AST; Bicarbonate - Carbon Dioxide; Bilirubin – Direct; Bilirubin – Total; Calcium; Cholesterol; Creatine Kinase; Creatinine; Glucose; <math>\gamma</math>-Glutamyltransferase; Serum Iron; LDH; Magnesium; Phosphorus; Protein-Total; Triglyceride; Urea (BUN); Uric Acid</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul>	ml	15

3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng nồng độ Creatinine trong huyết thanh	<p>Dải tham chiếu(1)          + Huyết thanh: 0.5 - 1.2 mg/dL (44 - 106 <math>\mu</math>mol/L)          + Nước tiểu:          • Nam: 800 - 2000 mg/24 giờ (7072 - 17680 <math>\mu</math>mol/24 giờ);          • Nữ: 600 - 1800 mg/24 giờ (5304 - 15912 <math>\mu</math>mol/24 giờ)          - Độ chính xác          + Huyết thanh:          • Trong vòng đo: <math>\leq</math>1.7%;          • Tổng độ chính xác: <math>\leq</math>2.9%          + Nước tiểu:          • Trong vòng đo: <math>\leq</math>0.9%;          • Tổng độ chính xác: <math>\leq</math>1.4%          - Sự chính xác (a)          + Huyết thanh:          • Độ dốc: 1.0008;          • Điểm cắt: 0.003 mg/dL (0.27 <math>\mu</math>mol/L);          • Hệ số tương quan: 0.999          + Nước tiểu:          • Độ dốc: 0.9535;          • Điểm cắt: 0.01 mg/dL (0.88 <math>\mu</math>mol/L);          • Hệ số tương quan: 0.9998          - Độ tuyến tính 0.1 - 22.0 mg/dL (9 - 1945 <math>\mu</math>mol/L)          - Thành phần:          + Thuốc thử (R1): Dung dịch gồm có Buffer (pH 7.5 at 25°C), &gt;12,000 U/L creatine amidino hydrolase (microbial), &gt;4,000 U/L sarcosine oxidase(microbial), &gt;0.24 mmol/L N-ethyl-N-sulfopropyl-m-toluidine, ascorbate oxidase(botanical), stabilizers, surfactants, and preservatives.          + Thuốc thử (R2): Dung dịch gồm có Buffer (pH 7.5 at 25°C),&gt;135,000 U/L creatinine amidohydrolase (microbial), &gt;1.5 mmol/L 4-aminoantipyrine,&gt;2,000 U/L peroxidase (botanical), stabilizers, surfactants, and 7.7 mmol/L sodium azide.          - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	ml	1.250
4	Thuốc thử xét nghiệm định lượng nồng độ Protein (toàn phần) trong huyết thanh	<p>Dải tham chiếu(1): 6.0 - 8.2 g/dL (60 - 82 g/L)          - Độ chính xác:          + Trong vòng chạy: <math>\leq</math>1.2%          + Tổng độ chính xác: <math>\leq</math>1.7%          - Sự chính xác(a)          + Độ dốc: 1.037          + Điểm cắt: -0.36 g/dL (-3.6 g/L)          + Hệ số tương quan: 0.947          - Độ tuyến tính 10.0 g/dL (100 g/L)          - Thành phần: Thuốc thử Total Protein: dung dịch chứa 31.9 mmol/L sodium potassium tartrate, 12.0 mmol/L copper sulfate pentahydrate, 30.1 mmol/L potassium iodide and 0.20 mol/L sodium hydroxide.          - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	ml	1.500

5	Thuốc thử xét nghiệm định lượng nồng độ Urea trong huyết thanh	<p>Dài tham chiếu(1)          + Urea: 11 - 37 mg/dL (3.9 - 13.2 mmol/L)          + Urea Nitrogen: 5 - 17 mg/dL (1.8 - 6.1 mmol/L)          - Độ chính xác:          + Trong vòng chạy: <math>\leq 2.9\%</math>          + Tổng độ chính xác: <math>\leq 4.0\%</math>          - Sự chính xác(a)          + Độ dốc: 1.00          + Điểm cắt: -0.1 mg/dL (-0.04 mmol/L)          + Hệ số tương quan: 0.9951          - Độ tuyến tính 4 - 150 mg/dL (1.4 - 53.6 mmol/L)          - Thành phần: Thuốc thử Urea chứa dung dịch có chứa chất đệm (pH 8.0 at 25°C), 14 mmol/L 2-oxoglutarate, 5.0 mmol/L ADP, &gt; 12 KU/L GLDH (động vật có vú), &gt; 50 KU/L Urease (thuộc thực vật), 0.2 mmol/L NADH, chất ổn định và chất bảo quản          - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	ml	900
6	Thuốc thử xét nghiệm định lượng nồng độ Uric Acid trong huyết thanh	<p>Dài tham chiếu(1):          + Nam: 2.5 - 7.0 mg/dL (149 - 417 <math>\mu\text{mol/L}</math>)          + Nữ: 1.5 - 6.0 mg/dL (89 - 357 <math>\mu\text{mol/L}</math>)          - Độ chính xác:          + Trong vòn chạy: <math>\leq 1.3\%</math>          + Tổng độ chính xác: <math>\leq 2.5\%</math>          - Sự chính xác(a):          + Độ dốc: 1.078          + Điểm cắt: 0.1 mg/dL (3 <math>\mu\text{mol/L}</math>)          + Hệ số tương quan: 0.9937          - Dài tuyến tính: 0.3 - 20.0 mg/dL (18 - 1190 <math>\mu\text{mol/L}</math>)          - Thành phần: Thuốc thử Uric Acid-SL: Dung dịch đệm chứa 1.8 mmol/L DHBS, 0.5 mmol/L 4-aminoantipyrine, &gt; 3500 U/L peroxidase (botanical), &gt; 200 U/L uricase (vi sinh vật), chất ổn định và chất bảo quản.          - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	ml	200

7	Thuốc thử xét nghiệm định lượng nồng độ Alanine Aminotransferase (ALT) trong huyết thanh	<p>Dải tham chiếu(1)          + Trẻ sơ sinh: 7- 40 U/L (37°C)          + Người lớn: 10 - 35 U/L (37°C)          - Độ chính xác:          + Trong giải phân tích: <math>\leq 2.4\%</math>          - Sự chính xác(a)          + Hệ số góc nghiêng: 1.06          + Ngưỡng: -2.8 U/L          + Hệ số tương quan: 0.9945          - Dải tuyến tính 10 - 600 U/L          - Thành phần:          + ALT-SL Enzyme Reagent (R1): (Dung dịch chứa chất đệm (pH 7.55 at 25°C), 700 mmol/L L-alanine, <math>\geq 2300</math> U/L lactate dehydrogenase (microbial), và một chất bảo quản.          + ALT-SL Substrate Reagent (R2): (Dung dịch chứa 85 mmol/L 2- oxoglutarate, 1 mmol/L NADH, một chất bảo quản)          - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	ml	750
8	Thuốc thử xét nghiệm định lượng nồng độ Aspartate Aminotransferase (AST) trong huyết thanh	<p>Dải tham chiếu(1): 5 - 34 U/L (37°C).          - Độ chính xác:          + Trong giải phân tích: <math>\leq 2.1\%</math>          - Sự chính xác(a):          + Hệ số góc nghiêng: 1.02          + Ngưỡng: -2.6 U/L          + Hệ số tương quan: 0.9979          + Dải tuyến tính 10 - 600 U/L          - Thành phần:          + AST-SL Enzyme Reagent (R1): Dung dịch chứa chất đệm TRIS (pH 8.0 at 25°C) 320 mmol/L; L-aspartate <math>\geq 800</math> U/L MDH (microbial) <math>\geq 1200</math> U/L lactate dehydrogenase (microbial), và chất bảo quản.          + AST-SL Substrate Reagent (R2): Dung dịch chứa 65 mmol/L; 2-oxoglutarate 1 mmol/L NADH, và chất bảo quản.          - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	ml	750
9	Thuốc thử xét nghiệm định lượng nồng độ Albumin trong huyết thanh	<p>Dải tham chiếu: 3.5-5.2 g/dL (35-52 g/L).          - Độ tuyến tính: từ 0,1 đến 7,0 g/dL (1 đến 70 g/L).          - Độ chính xác:          + Trong giải phân tích: <math>\leq 1.5\%</math>          + Độ chính xác toàn phần: <math>\leq 2.1\%</math>          - Sự chính xác(a)          + Hệ số góc nghiêng: 1.04          + Ngưỡng: -0.20 g/dL (-2 g/L)          + Hệ số tương quan: 0.9965          - Thành phần: Dung dịch chứa đệm acetate (pH 4.2 at 25°C), ~ 0.39 mmol/L Bromocresol Green (BCG), chất hoạt động bề mặt và chất bảo quản.          - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	ml	500

10	Thuốc thử xét nghiệm định lượng nồng độ Glucose trong huyết thanh	<p>Dải tham chiếu(1): 70 - 105 mg/dL (3.9 - 5.8 mmol/L)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ chính xác:</li> <li>+ Trong vòng chạy: <math>\leq 0.4\%</math></li> <li>+ Tổng độ chính xác: <math>\leq 1.3\%</math></li> <li>- Sự chính xác(a)</li> <li>+ Độ dốc: 0.9849</li> <li>+ Điểm cắt: 2.3 mg/dL (0.13 mmol/L)</li> <li>+ Hệ số tương quan: 0.9992</li> <li>- Độ tuyến tính: 0.6 - 600 mg/dL (0.03 - 33.3 mmol/L)</li> <li>- Thành phần: Thuốc thử chứa dung dịch đệm chứa 2 mmol/L nicotinamide adenine dinucleotide, 4 mmol/L adenosine triphosphate, 2 mmol/L magnesium, &gt; 2000 U/ L hexokinase (yeast), &gt; 4000 U/L glucose-6-phosphate dehydrogenase (vi sinh vật), chất ổn định và chất bảo quản.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul>	ml	800
11	Thuốc thử pha loãng mẫu bệnh phẩm sử dụng cho máy huyết học 3 thành phần bạch cầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích sử dụng: Được sử dụng để pha loãng hồng cầu.</li> <li>- Bảo quản sản phẩm ở nhiệt độ 2-35°C.</li> <li>- Thành phần: NaCl<math>\leq 9.4\%</math>, Buffer<math>\leq 1.6\%</math>, Anti-Microbial Agent<math>\leq 1.0\%</math></li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul>	ml	40.000
12	Thuốc thử xét nghiệm huyết học ly giải hồng cầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích sử dụng: Được sử dụng để đếm tế bào máu, định cỡ và phân biệt bạch cầu, xác định hemoglobin.</li> <li>- Bảo quản sản phẩm ở nhiệt độ 2-35°C.</li> <li>- Thành phần: Quaternary Ammonium Salt &lt; 10%; Sodium Lauryl Sulfate &lt; 1.5%.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul>	ml	4.000
13	Dung dịch rửa máy sử dụng cho máy phân tích huyết học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích sử dụng: Được sử dụng để rửa hệ thống dây hút mẫu, dây hút hóa chất và kim hút của máy phân tích huyết học.</li> <li>- Bảo quản sản phẩm ở nhiệt độ 2-35°C.</li> <li>- Thành phần: Buffer&lt;0.9%, Sufurctant&lt;1.0%</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul>	ml	10.000
15	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng huyết học mức bình thường	<p>Thành phần: Hồng cầu của người và động vật có vú, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu mô phỏng, chất lỏng giống huyết tương với chất bảo quản.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	ml	7,5
18	Test viêm gan B	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vùng cộng hợp: IgG chuột kháng HBsAg-04;</li> <li>- Vạch kết quả: IgG chuột kháng HBsAg-B20;</li> <li>- Vạch chứng: IgG dê kháng chuột</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul>	Test	40
20	Test viêm gan C	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vùng cộng hợp: Kháng thể đơn dòng kháng IgG người (0.16 <math>\mu\text{g}</math>);</li> <li>- Vạch kết quả: Kháng nguyên HCV-210 (0.2 <math>\mu\text{g}</math>);</li> <li>- Vạch chứng: IgG người (0.88 <math>\mu\text{g}</math>).</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul>	Test	40

21	Dung dịch nhuộm	Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet chai 250ml, Lugol chai 250ml, Decolor (alcohol-acetone) chai 250ml và Safranin chai 250ml. - Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm - Đóng gói: Bộ 4 chai x 250ml có vòi bơm tiện dụng	Bộ	1
----	-----------------	---	----	---

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Tại Bệnh viện Phổi tỉnh Lai Châu.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 7 ngày từ khi nhận được dự trù.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không

5. Các thông tin khác (nếu có).

**Nơi nhận:**

- Ban Giám đốc (để biết);
- Phòng KH-TC-ĐD (đăng tải);
- Khoa Dược – VTYT - CLS;
- Lưu VT.



**Phạm Mạnh Hùng**